

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-PT

Ngày 20- 11- 2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Kiên

Bà Bùi Thị Thuý Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2024/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc: “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2024/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2024/QĐXXPT ngày 04 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn D, nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị T, nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người kháng cáo: Bà Trần Thị T là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm của nguyên đơn có nội dung:

Ông **Lê Văn D** và bà **Trần Thị T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 1993. Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do đặc thù công việc của ông **D** là làm theo ca, phải trực đêm và tiếp xúc với nhiều người, không có thời gian chăm lo cho gia đình. Ông **D** thừa nhận có thời điểm không chung thủy. Từ đó, bà **T** không tin tưởng ông về tình cảm, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, hay cãi nhau. Từ năm 2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Năm 2023, ông đã làm đơn ly hôn bà **T**, được Toà án hoà giải nên ông đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm. Nhưng bà **T** vẫn không thiện chí, không muốn nói chuyện, chia sẻ với ông. Đến nay, vợ chồng vẫn mỗi người sống một nơi, không có trách nhiệm với nhau. Cũng nhiều năm nay, mặc dù ông vẫn có trách nhiệm với gia đình bà **T** nhưng bà **T** không còn quan tâm đến công việc bên gia đình ông như thăm hỏi, cúng giỗ. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà **T**.

Về con chung: Ông **D** và bà **T** có 02 con chung là **Lê Đức T1**, sinh năm 1994 và **Lê Thị Thanh H**, sinh năm 1997, đều đã trưởng thành, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông **D** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn bà **Trần Thị T** trình bày:* Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và con chung như trình bày của ông **D**.

Sau khi kết hôn, bà và ông **Dương S** hoà thuận, hạnh phúc. Đến năm 2018, bà phát hiện ông **D** có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác tên là **D1** (bà không biết họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể). Từ đó, ông **D** hắt hủi, lạnh nhạt với bà. Bà, các con và gia đình hai bên đã khuyên ông **D** nhiều lần nhưng ông không thay đổi. Ông **D** yêu cầu bà phải chấp nhận để ông **D** quan hệ tình cảm với người phụ nữ đó nhưng bà không chấp nhận. Đến năm 2019, ông **D** mua đất làm nhà ở riêng và sống ly thân với bà cho đến nay. Năm 2023 ông **D** có làm đơn ly hôn sau đó lại rút đơn về, nhưng vợ chồng vẫn ly thân, mỗi người ở một nơi. Trước đây, bà vẫn quan tâm, chăm sóc ông **D** nhưng do ông **D** không thay đổi, không quan tâm, không có trách nhiệm với bà, vẫn sống không chung thủy nên bà không còn quan tâm đến ông **D** nữa. Bà vẫn làm tròn bổn phận của người con dâu đối với gia đình ông **D** nhưng 03 năm trở lại đây, do gia đình ông **D** lạnh nhạt với bà nên bà không còn tới thăm hỏi, cúng giỗ nữa. Đến nay, bà thấy không còn giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình trạng hôn nhân. Dù vợ chồng không có hạnh phúc nhưng bà vẫn còn tình cảm với ông **D**. Mặt khác, bà là người phụ nữ truyền thống, không muốn gia đình tan vỡ, mong muốn các con có gia đình hoàn chỉnh nên bà không đồng ý ly hôn.

Hai con chung của bà và ông **D** đều đã trưởng thành, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2024/HNGĐ-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đã quyết định:*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 68, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

**X:** Cho ông **Lê Văn D** được ly hôn bà **Trần Thị T**.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/9/2024, bị đơn bà **Trần Thị T** có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm số 36/2024/HNGĐ-ST.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự giữ nguyên quan điểm đã trình bày ở cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký; các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm đúng quy định. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ, quyết định của bản án sơ thẩm đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng thụ lý, giải quyết sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đã xác định đúng và đầy đủ đương sự tham gia tố tụng. Kháng cáo của bị đơn hợp lệ, đủ điều kiện xem xét phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lê Văn D** và bà **Trần Thị T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Do mâu thuẫn về tình cảm vợ chồng, từ năm 2019 đến nay, ông **D** và bà **T** sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Hội đồng xét xử xét mục đích của hôn nhân là tạo dựng một gia đình mà ở đó vợ chồng phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; và phải xuất phát từ cả hai phía vợ và chồng. Vợ chồng ông **D**, bà **T** đã không còn chung sống với nhau trong thời gian dài, tình cảm vợ chồng xa cách, quan hệ hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế. Ông **D** trình bày không còn tình cảm và kiên quyết xin ly hôn với bà **T**. Bà **T** không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào cải thiện quan hệ vợ chồng. Xét hôn nhân của ông **D**, bà **T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho ông **D** ly hôn với bà **T** là có căn cứ theo khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung, tài sản chung: Ông **D** và bà **T** có 02 con chung đã thành niên. Ông **D** và bà **T** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết là có căn cứ.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **D** là nguyên đơn, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông **D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ.

[2.4] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét quyết định của bản án sơ thẩm đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo hủy bản án sơ thẩm của bị đơn.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà **Trần Thị T**. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2024/HNGĐ-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng:

Về hôn nhân: Ông **Lê Văn D** được ly hôn bà **Trần Thị T**.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Lê Văn D** phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007397 ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà **Trần Thị T** phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số **0007525** ngày 25/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quang Kiên      Bùi Thị Thuý Hà**

**Nguyễn Thị Bích Thuý**

**Nơi nhận:**

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng, huyện An Lão, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Thuý**